

KHOA HỌC VÀ ĐỜI SỐNG

CÁC LOÀI THUỘC HỌ HÀNH CÓ GIÁ TRỊ SỬ DỤNG Ở THỪA THIÊN HUẾ

Mai Văn Phô*

I. Mở đầu

Họ Hành (Liliaceae) còn mang các tên họ Loa kèn trắng, họ Bách hợp, họ Bạch huệ. Đây là họ có nhiều loài quen thuộc được sử dụng trong đời sống hàng ngày của con người với nhiều mục đích: làm gia vị, làm thức ăn, thức uống, làm thuốc, làm cảnh, lấy sợi... Trên thế giới họ Hành đã được các nhà khoa học quan tâm rất sớm, A. L. de Jussieu đã đặt tên họ vào năm 1789. Về sau các nhà khoa học công bố tiếp tục đã nhập các loài vào họ này rồi dần dần lại tách ra thành các họ nhỏ hơn có tên riêng, dựa vào đặc tính của chúng và căn cứ vào mẫu vật thu thập đầu tiên (mẫu chuẩn = typus). Đến nay có đến 15 họ thuộc họ Hành *theo nghĩa rộng* (Liliaceae sensu lato).

Ở Thừa Thiên Huế hiện nay, các loài thuộc họ Hành hiện diện khá nhiều. Trong nội dung của bài này, chúng tôi xin nêu lên những loài có giá trị sử dụng, còn các loài đã được điều tra nhưng chưa biết được ý nghĩa của chúng thì không nêu vào đây. Ngoài ra, chúng tôi cũng đề xuất hướng khai thác sử dụng một số loài của họ Hành có trên địa bàn Thừa Thiên Huế nhưng chưa được quan tâm đúng mức.

II. Đặc điểm chung của họ Hành và vấn đề tên gọi

Về mặt hệ thống phân loại, họ Hành (Liliaceae s.l) thuộc bộ Hành (Liliales), phân lớp Hành (Liliidae), lớp Hành (Liliopsida) hay lớp Một lá mầm (Monocotyledoneae) mang các đặc điểm cơ bản sau:

- Cây thảo, sống lâu năm, có thân, rễ hay giò..., một số ít có dạng thân gỗ. Lá dài, hình mũi mác, gân song song hay hình cung, mép lá nguyên hay khía răng cưa. Hoa lưỡng tính, đều, thường mọc thành cụm hoa dạng chùm, bông, chùy hoặc tán... Bao hoa gồm 2 vòng 3 dạng cánh, thường rời hay hợp ở gốc. Bộ nhị có 6 nhị xếp 2 vòng. Bao phấn mở bằng khe dọc hay mở bằng lỗ ở đỉnh. Bộ nhụy gồm 3 lá noãn hợp, bầu trên chứa nhiều noãn, quả nang.

- Về số lượng: Trên thế giới có 290 chi, 4.700 loài. Ở nước ta có gần 50 chi, 100 loài. Ở Thừa Thiên Huế, chúng tôi điều tra được khoảng 52 loài.

Theo một số nhà khoa học như cố GS Nguyễn Tiến Bân và Nguyễn Thị Đỏ trong *Danh lục các loài thực vật Việt Nam*, tập III, thì họ Hành hiểu theo nghĩa rộng (sensu lato) gồm 14 họ, còn Phạm Hoàng Hộ trong *Cây cỏ Việt Nam*, quyển III đưa họ Thiên môn vào họ Hành thành 15 họ (theo nghĩa rộng).

* Cựu giảng viên, Khoa Sinh, Trường Đại học Khoa học Huế.

Stt	Tên phổ thông	Tên khoa học
1	Họ Dứa sợi	<i>Agavaceae</i> Endl., 1841
2	Họ Hành	<i>Alliaceae</i> Agardh, 1858
3	Họ Thủy tiên	<i>Amaryllidaceae</i> Jaume, 1805
4	Họ Lô hội	<i>Asphodelaceae</i> Juss., 1789
5	Họ huyết dụ	<i>Asteliaceae</i> Dumort., 1829
6	Họ Mạch môn đông	<i>Convallariaceae</i> Horan, 1834
7	Họ huyết giác	<i>Dracaenaceae</i> Salisb, 1866
8	Họ Hoa hiên	<i>Hemerocallidaceae</i> R.Br., 1810
9	Họ Hành biển	<i>Hyacinthaceae</i> Batsch, 1802
10	Họ Loa kèn	<i>Liliaceae</i> Juss., 1789
11	Họ Ngót ngoẻo	<i>Melanthiaceae</i> Batsch, 1802
12	Họ Phong nữ	<i>Nolinaceae</i> Nakai, 1943
13	Họ Hương bài	<i>Phormiaceae</i> Agardh, 1858
14	Họ Trọng lâu	<i>Trilliaceae</i> Lindl., 1846
15	Họ Thiên môn	<i>Asparagaceae</i> Juss., 1789

Do nhiều tài liệu chuyên khảo hay không chuyên khi gọi tên một số loài của họ Hành có thể theo nghĩa rộng (*sensu lato*) hoặc họ Hành theo nghĩa hẹp (*sensu stricto*) mà gây nên sự tranh cãi. Chúng tôi đề nghị khi sử dụng tên loài thuộc họ Hành tác giả nên nêu quan điểm của mình và ghi chú sau họ để người đọc hiểu rõ hơn.

III. Thành phần loài họ Hành (*Liliaceae sensu lato*) có ở Thừa Thiên Huế

Kết quả điều tra ngoài thực địa chúng tôi đã thu thập được hơn 52 loài. Sau đây chúng tôi chỉ nêu 42 loài là những loài đã được nhân dân ta quan tâm sử dụng với các mục đích nêu trên, số còn lại chưa được nghiên cứu đầy đủ về giá trị sử dụng của chúng.

Stt	Tên phổ thông	Tên khoa học
(1)	(2)	(3)
1	Dứa sợi Mỹ	<i>Agave americana</i> L.
2	Hành ta	<i>Allium fistulosum</i> L.
3	Hành tây	<i>Allium cepa</i> L.
4	Kiêu	<i>Allium chinense</i> G.Don (<i>A. bakeri</i> Regel)
5	Tỏi	<i>Allium sativum</i> L.
6	Nén (Ném)	<i>Allium schoenoprasum</i> L.
7	Hẹ	<i>Allium tuberosum</i> Rottl. & Spreng
8	Tỏi tây	<i>Allium porrum</i> L.
9	Thanh anh	<i>Agapanthus africanus</i> (L.) Hoffm.
10	Lô hội	<i>Aloe vera</i> (L.) Burm.f.
11	Thiên môn đông	<i>Asparagus cochinchinensis</i> Merr.
12	Măng tây	<i>Asparagus officinalis</i> L.
13	Thủy tùng	<i>Asparagus plumosus</i> Bak.
14	Thiên môn chùm	<i>Asparagus racemosus</i> Willd.
15	Cô lan (Trứng nhện Bắc Bộ)	<i>Aspidistra tonkinensis</i> Wang & Tang
16	Huyết dụ	<i>Cordyline fruticosa</i> (L.) Goepp.
17	Đại tướng quân hoa đỏ	<i>Crinum amabile</i> Donn.
18	Đại tướng quân hoa trắng (Tỏi lơi, Chuối nước)	<i>Crinum asiaticum</i> L.
19	Trình nữ hoàng cung	<i>Crinum latifolium</i> L.
20	Chuối nước Tích Lan	<i>Crinum zeylanicum</i> (L.) L.
21	Hương bài	<i>Dianella ensifolia</i> DC.
22	Phất dụ Cambốt	<i>Dracaena cambodiana</i> Pierre ex. Gagn
23	Phất dụ Sander (Phát tài)	<i>Dracaena sanderiana</i> Sand.
24	Ngọc trầm	<i>Eucharis grandiflora</i> Planch & Linden

(1)	(2)	(3)
25 Lộc đỉnh, Ngải hùm		<i>Eurycles amboinensis</i> (L.) Loudl.
26 Huyết hoa		<i>Haemanthus multiflorus</i> (Tratt.) Martyn
27 Hoa hiên		<i>Hemerocallis fulva</i> L.
28 Huyết huệ, Lan huệ hoa đỏ		<i>Hippeastrum equestre</i> Herb.
29 Bạch huệ, Lan huệ hoa trắng		<i>Hippeastrum</i> sp.
30 Lan huệ mạng		<i>Hippeastrum reticulatum</i> Herb.
31 Bạch trinh mỹ		<i>Hymenocallis speciosa</i> Salisb.
32 Loa kèn trắng		<i>Lilium longiflorum</i> Thunb.
33 Thủy tiên		<i>Narcissus tazetta</i> L.
34 Mạch môn đông		<i>Ophiopogon japonicus</i> (L.f.) Ker-Gawl.
35 Bầy lá một hoa		<i>Paris polyphylla</i> Smith
36 Hoa huệ		<i>Polianthes tuberosa</i> L.
37 Ngà voi		<i>Sansevieria cannaliculata</i> Carrière
38 Hồ vĩ		<i>Sansevieria zeylanica</i> (L.) Willd.
39 Lưỡi mèo		<i>Sansevieria trifasciata</i> Hort
40 Tóc tiên vàng		<i>Zephyranthes ajax</i> Hort
41 Tóc tiên trắng		<i>Zephyranthes candida</i> Herb.
42 Tóc tiên đỏ		<i>Zephyranthes rosea</i> (Spreng.) Lindl.

Trong khu vực Đông Nam Á, các loài thuộc họ Hành cũng rất được chú ý vì cách sử dụng của các nước rất phong phú và gần như nhau.



1. Bạch huệ (*Hippeastrum* sp.), 2. Nén [Ném] (*Allium schoenoprasum* L.), 3. Trinh nữ hoàng cung (*Crinum latifolium* L.), 4. Ngọc trâm (*Eucharis grandiflora* Planch & Linden), 5. Lộc đỉnh, Ngải hùm (*Eurycles amboinensis* (L.) Loudl.), 6. Huyết hoa (*Haemanthus multiflorus* (Tratt.) Martyn), 7. Huyết huệ (*Hippeastrum equestre* Herb.)

III. Giá trị sử dụng

1. Các loài được sử dụng làm gia vị, thức ăn, thức uống

Trong số 42 loài mà chúng tôi đã nêu trong danh lục trên, có 10 loài được dùng vào việc ăn uống hàng ngày của nhân dân ta, gồm:

- 7 loài được dùng làm gia vị thuộc chi Allium: Hành ta, Hành tây, Kiệu, Tỏi, Nén, Hẹ, Tỏi tây.
- 2 loài dùng làm rau ăn: Măng tây, Hoa hiên.
- 1 loài dùng làm nước giải khát, nấu chè: Lô hội.

Có lẽ ở tỉnh Thừa Thiên Huế, các nguyên liệu măng tre, măng giang, măng diên trúc vừa phổ biến, vừa có số lượng lớn, kể cả tươi và khô hoặc từ các nơi khác nhập về như măng lưỡi lợn ở phía Bắc, măng khô của Tây Nguyên, nên việc trồng Măng tây chưa được quan tâm như các nước phương Tây. Đây là một đối tượng cần lưu ý trong việc nuôi trồng để kinh doanh xuất khẩu.

2. Các loài được dùng làm thuốc

Hầu hết các loài nêu trong danh lục trên đây đều được nhân dân dùng làm thuốc theo kinh nghiệm gia truyền hay đông y.

Một số loài đã được nghiên cứu sản xuất dưới dạng tân dược như Trinh nữ hoàng cung hoặc phối hợp với các loài khác để làm thuốc bổ, thuốc ho như Thiên môn đông hoặc Lô hội dùng làm nước giải khát.

Các loài thuộc nhóm làm gia vị: hành, hẹ, nén, tỏi, kiệu lại là những loài được sử dụng làm thuốc rất phổ biến.

- Hành ta: ngoài việc làm cho thức ăn gia tăng mùi vị, lá và củ hành còn chữa trị cảm mạo, phong hàn, viêm họng, tụ máu, đau bụng vì giun sán...

- Hành tây: chống nhiễm khuẩn, trị thấp khớp, lợi tiểu, trị ho, trị giun, chống suy nhược, kích dục...

- Hẹ: tiêu độc, tiêu đàm, hoạt huyết, chung với đường phèn để trị ho cho trẻ em, là loại kháng sinh khá tốt, trị di tinh, tiểu ra máu...

- Nén [Ném]: chữa mộng tinh, di tinh, đái ra máu, trị tả, bạch đới, viêm tiền liệt tuyến, hen suyễn, đổ mồ hôi trộm, sưng cổ họng khó nuốt, viêm mũi, viêm tai giữa, trị giun kim ở trẻ em...

- Kiệu: trị nhức đầu, đầy hơi, bổ thận, lợi tiểu, điều hòa nội tạng...

- Tỏi: trong nhóm hành tỏi thì tỏi được sử dụng để chữa trị nhiều bệnh mà hiện nay được rất nhiều nước trên thế giới quan tâm. Thành phần dinh dưỡng của tỏi rất phong phú gồm 4% protein, 0,2% lipit, 20% hydratcarbon, 0,7% chất thô, ngoài ra, còn có calci, sắt, lân, các loại vitamin B1, B2, C... Tỏi có tác dụng kháng khuẩn, kháng nguyên trùng, chống nấm, ức chế sự phát triển của tế bào ung thư, tăng chức năng cho bạch cầu, chống độc, chống viêm khớp, hạ thấp calci trong máu, có tác dụng dưỡng sinh, bảo vệ sức khỏe, chống bệnh đau màng óc, xơ cứng động mạch, huyết áp cao...

- Bảy lá một hoa: thường dùng để trị rắn độc cắn, sâu bọ đốt, viêm não truyền nhiễm, viêm mủ da, lao màng não, viêm phổi, hen suyễn, bạch hầu,

quai bị, lòi dom, giải nhiệt và giải độc. Củ ngâm rượu bổ. Theo kinh nghiệm của người Mán sơn đầu ở Thác Vàng, Thái Nguyên nếu ở sân nhà, vườn có trồng cây này thì không có rắn độc ở.

- Các loài Đại tướng quân hoa trắng, Đại tướng quân hoa đỏ: được dùng để bó trật gân, rạn xương, tê thấp, nhức đầu, đau đầu đông, trị ung thư, đau cột sống.

- Mạch môn đông: rễ, củ làm thuốc bổ, phấn dưỡng trị mất sức, tắt tuyến sữa, ho, chống ung thư (có các chất sitosterol, stigmasterol).

- Thiên môn đông: lá, thân, củ dùng trị ung thư, củ làm thuốc ho.

- Hoa loa kèn trắng: trị ho ra máu, nôn ra máu, phù thũng, tim hồi hộp.

- Lan huệ hoa đỏ: có chứa alcaloids trị ung thư, giảm đau, tuy có độc.

- Loài Tóc tiên hoa đỏ [còn gọi là Lan đất]: rễ dùng để uống như trà trị cảm, ho, ho lao...

3. Làm hoa cảnh

Có 30 loài trong số 42 loài nêu trên được dùng làm hoa cảnh vì cho hoa đẹp, hương thơm và có nhiều loài có cách chơi rất tao nhã, phải tỉa mầm, cắt lá làm sao để cho ra hoa đúng dịp lễ, tết như hoa Thủy tiên. Đây là một loài hoa đã nổi tiếng từ lâu, được sử dụng trong cung đình hoặc các phủ đệ quan lại ở Huế. Ngoài hoa đẹp, hương thơm nở đúng ngày tết lễ do sự điều khiển tỉa bẹ, tạo dáng, hoa Thủy tiên phải được đặt vào chậu thủy tinh có đá cuội trắng và nước phải sạch thường xuyên thì bộ rễ Thủy tiên mới đẹp được. Chính vì những tính chất này mà người ta ca ngợi cách chơi hoa Thủy tiên.

Các loài hoa có giá trị trên thương trường hiện nay như Loa kèn trắng, Huyết huệ, Bạch huệ, hoa Huệ và các loài hoa khác... Hơn thế nữa trong thời gian gần đây ở Thừa Thiên Huế các lễ hội, cúng tế hàng năm càng tăng, nên nhu cầu sử dụng các loài hoa ngày càng nhiều. Chính vì vậy cần có kế hoạch phát triển nghề trồng hoa cảnh để phục vụ trước mắt và lâu dài ở tỉnh ta nói riêng và cả nước nói chung.

Một loài cây làm gia vị, có hoa đẹp chưa được chú ý đến đó là loài Nén [Ném], cho hoa màu tím. Các loài Tóc tiên nếu được trồng làm đường viền cho các bồn hoa gia đình, công viên, thăm cỏ thì sẽ tăng vẻ đẹp tự nhiên cho những khu vực này. Các loài dây leo như Thiên môn đông, Thiên môn chùm vừa sử dụng làm thuốc, vừa làm dây leo để phủ các bờ rào có màu xanh rất thanh nhã.

4. Các giá trị khác

Ngoài việc làm gia vị, làm thuốc, làm cảnh, người ta còn dùng một số cây của họ Hành để lấy sợi như cây dứa Mỹ hay cây Thừa, dùng làm hàng rào như Hổ vĩ, Huyết dụ... hoặc làm hương, làm thuốc diệt chuột như Hương bài...

III. Kết luận

Như đã trình bày ở trên, họ Hành là một họ phổ biến trên toàn thế giới. Việc gọi tên họ Hành có thể theo hai cách: theo nghĩa rộng (sensu lato) hoặc theo nghĩa hẹp (sensu stricto). Để tránh việc tranh cãi theo chúng tôi cần ghi chú rõ ràng khi sử dụng.

Họ Hành ở Thừa Thiên Huế được xác định bước đầu gồm khoảng 52 loài, trong số đó có 42 loài có giá trị sử dụng cao, được dùng làm gia vị, thức ăn, thức uống; dùng làm thuốc; dùng làm hoa cảnh và một số công dụng khác.

Một số loài cần được lưu ý: trong lĩnh vực nuôi trồng xuất khẩu như Măng tây, trong lĩnh vực hoa cảnh như các loài Tóc tiên và trong lĩnh vực y được cần nghiên cứu các loài có khả năng chữa trị ung thư như Mạch môn đông, Thiên môn đông, Lan huệ hoa đỏ...

M V P

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Tiến Bàn, 1997. *Cẩm nang tra cứu và nhận biết các họ thực vật hạt kín ở Việt Nam*, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội.
2. Võ Văn Chi, 1999. *Từ điển cây thuốc Việt Nam*, Nxb Y học, Hà Nội.
3. Võ Văn Chi, Trần Hợp, 1999. *Cây cỏ có ích ở Việt Nam*, tập 1, Nxb Giáo dục.
4. Nguyệt Hạ, Quách Văn Nguyên, 2005. *Cây rau làm thuốc trị bệnh thường gặp*, Nxb Đà Nẵng.
5. Phạm Hoàng Hộ, 2000. *Cây cỏ Việt Nam*, quyển III, Nxb Trẻ.
6. Trần Hợp, 1998. *Cây xanh và cây cảnh Sài Gòn - Thành phố Hồ Chí Minh*, Nxb Nông nghiệp.
7. Lê Quang Long, Hà Thị Lệ Ánh, Nguyễn Thị Thanh Huyền, 2006. *Từ điển tranh về các loài hoa*, Nxb Giáo dục.
8. Đỗ Tất Lợi, 2005. *Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam*, Nxb Y học, Hà Nội.
9. Nguyễn Bá Mão, 2002. *Tỏi trị bách bệnh*, Nxb Hà Nội.
10. Trung tâm Nghiên cứu Tự nhiên và Công nghệ Quốc gia - Viện Sinh thái Tài nguyên Sinh vật, 1993. *1900 loài cây có ích ở Việt Nam*, Nxb Thế giới.
11. Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên Môi trường - Đại học Quốc gia Hà Nội - Viện Sinh thái Tài nguyên Sinh vật, 2005. *Danh lục các loài thực vật Việt Nam*, tập III, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội.
12. Trường Đại học Dược Hà Nội - Bộ môn Dược học cổ truyền, 2000. *Dược học cổ truyền*, Nxb Y học, Hà Nội.
13. J.S. Siemonsma and Kasem Pilueek, 1994. *Vegetables in Plant Resources of South-East Asia*, N° 8, Bogor, Indonesia.

TÓM TẮT

Họ Hành (Liliaceae sensu lato) theo nghĩa rộng bao gồm 15 họ. Ở Thừa Thiên Huế bước đầu tác giả đã thu thập được khoảng 52 loài. Trong số đó có 42 loài có giá trị sử dụng cao: dùng làm gia vị, thức ăn, thức uống; dùng làm thuốc; dùng làm hoa cảnh và các giá trị khác. Một số loài theo tác giả cần quan tâm nghiên cứu sâu hơn như Măng tây để kinh doanh xuất khẩu, các loài có khả năng tham gia chữa trị ung thư như Mạch môn đông, Thiên môn đông, Lan huệ đỏ...; các loài hoa dạng thảo như Nén, các loài Tóc tiên nên sử dụng cho các bồn hoa gia đình và công viên để tăng vẻ đẹp tự nhiên cho các khu vực này.

ABSTRACT

VALUABLE SPECIES OF LILIACEAE (SENSU LATO) IN THỪA THIÊN HUẾ PROVINCE

Liliaceae sensu lato consists of 15 families. Initially, the author have determined 52 species in Thừa Thiên Huế province. Forty-two of these species have such highly valuable use as spices, foods, drinks, medicines, ornamental plants, ect... According to the author, some of these species need to be researched, such as *Asparagus officinalis* L. for export, or *Ophiopogon japonicus* (L.f.) Ker-gawl, *Asparagus cochinchinensis* Merr., *Hippeastrum equestre* Herb... for treating cancer. Besides, some species such as *Allium schoenoprasum* L; *Zephyranthes rosea* (Spreng) Lindl., *Z. ajax* Hort and *Z. candida* Herb. - can be planted in family parterres and in parks to create the natural beauty.